

SCIC Chi nhánh phía Nam

ĐẾN 11-09-2017

Số CV đến:.....1915.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN
THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	13 – 31

SIÊU BẢN CHÍNH
Ngày 09 tháng 09 năm 2017.



Trưởng Phòng
Kinh Doanh - Tiếp Thị

Nguyễn Thành Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155188 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 2 vào ngày 05 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 07103 832.059
- Fax : 07103.832.060

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xay xát và sản xuất bột thô
- Kinh doanh lương thực và xuất khẩu gạo
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia
- In ấn
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất bột giấy, giấy và bia...

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Đình Bửu Trí	Chủ tịch	Ngày 10 tháng 06 năm 2015	
Ông Lê Văn Lung	Phó chủ tịch	Ngày 10 tháng 06 năm 2015	Ngày 29 tháng 06 năm 2016
Ông Trần Đức Toàn	Thành viên	Ngày 10 tháng 06 năm 2015	
Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương	Thành viên	Ngày 29 tháng 06 năm 2016	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Tăng Ngọc Châu	Trưởng ban	Ngày 29 tháng 06 năm 2016	
Ông Nguyễn Thành Nghiệp	Trưởng ban	Ngày 10 tháng 06 năm 2015	Ngày 29 tháng 06 năm 2016
Bà Huỳnh Thị Thanh Tâm	Thành viên	Ngày 29 tháng 06 năm 2016	
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	Ngày 10 tháng 06 năm 2015	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Toàn	Giám đốc	Ngày 15 tháng 06 năm 2016	
Ông Lê Văn Lung	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 07 năm 2015	Ngày 15 tháng 06 năm 2016
Ông Trần Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 07 năm 2015	Ngày 14 tháng 06 năm 2016
Ông Trần Phước Thuần	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 07 năm 2015	Ngày 26 tháng 07 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Toàn	Giám đốc	Ngày 15 tháng 06 năm 2016	
Ông Lê Văn Lung	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 07 năm 2015	Ngày 15 tháng 06 năm 2016

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

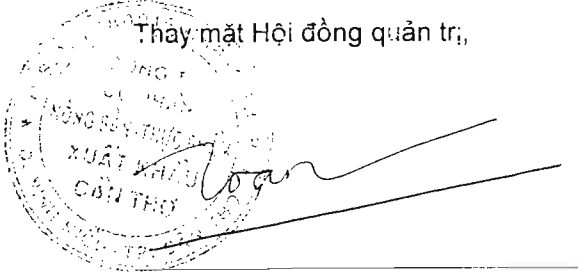
Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Công bố các Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

A circular stamp with the text "CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ" is visible. Overlaid on the stamp is a handwritten signature in black ink.

TRẦN ĐỨC TOÀN
Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Số: 084/2017/BCKT- CT.00127

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.3 của thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng số tiền Công ty ứng trước cho Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.032.525.975 VND để mua gạo nguyên liệu xuất khẩu. Nhưng Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây đã và đang giao hàng không đúng theo tiến độ của các hợp đồng đã được ký kết. Theo công văn cam kết trả nợ số 20/MT.2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016 thì Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây cam kết sẽ giao hàng dứt điểm vào ngày 30 tháng 04 năm 2017.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHANH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2017

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	TOÀN CÔNG TY		VĂN PHÒNG CÔNG TY		XI NGHIỆP BAO BÌ	
			31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.571.790.283	84.964.769.962	94.966.896.411	80.401.959.069	9.575.444.392	8.253.719.851
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.769.305.582	27.548.301.094	29.247.384.616	26.508.651.140	521.920.966	1.039.649.954
Tiền	111		7.669.305.582	2.748.301.094	7.147.384.616	1.708.651.140	521.920.966	1.039.649.954
Các khoản tương đương tiền	112		22.100.000.000	24.800.000.000	22.100.000.000	24.800.000.000	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	-	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-	-	-	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.067.317.140	46.526.062.211	55.809.527.013	46.396.342.455	5.228.340.647	3.820.628.704
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	17.148.562.342	38.635.346.515	10.372.582.077	33.282.851.193	6.775.980.265	5.352.495.322
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	40.621.925.975	10.226.500.000	40.578.525.975	10.226.500.000	43.400.000	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	3.970.550.520	3.690.908.958	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	-	-	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	141.300.178	164.482.314	141.300.178	142.082.314	-	22.400.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.137.039.618)	(2.500.266.618)	(546.000.000)	(946.000.000)	(1.591.039.618)	(1.554.266.618)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	1.292.568.263	-	1.292.568.263	-	-	-
Hàng tồn kho	140		13.311.514.449	10.164.482.478	9.486.331.670	6.771.041.285	3.825.182.779	3.393.441.193
Hàng tồn kho	141	5.7	13.311.514.449	10.464.482.478	9.486.331.670	7.071.041.285	3.825.182.779	3.393.441.193
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.8	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		423.653.112	725.924.179	423.653.112	725.924.179	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-	-	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		342.900.574	645.171.641	342.900.574	645.171.641	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	80.752.538	80.752.538	80.752.538	80.752.538	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-	-	-	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	TOÀN CÔNG TY		VĂN PHÒNG CÔNG TY		XI NGHIỆP BAO BÌ	
			31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.760.561.925	51.087.410.265	48.105.935.164	52.094.675.517	3.292.821.766	5.130.929.753
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	4.638.195.005	4.638.195.005	-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-	-	-	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-	-	-	-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-	4.638.195.005	4.638.195.005	-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-	-	-	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-	-	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-	-	-	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	220		38.311.408.799	42.744.441.728	35.094.063.757	39.359.127.984	3.217.345.042	3.385.313.744
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	27.217.522.799	31.650.555.728	24.000.177.757	28.265.241.984	3.217.345.042	3.385.313.744
Nguyên giá	222		56.044.233.340	55.616.824.431	47.592.195.186	47.592.195.186	8.452.038.154	8.024.629.245
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.826.710.541)	(23.966.268.703)	(23.592.017.429)	(19.326.953.202)	(5.234.693.112)	(4.639.315.501)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	11.093.886.000	11.093.886.000	11.093.886.000	11.093.886.000	-	-
Nguyên giá	228		11.093.886.000	11.093.886.000	11.093.886.000	11.093.886.000	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-	-	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	7.938.100.000	7.938.100.000	7.938.100.000	7.938.100.000	-	1.500.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		3.902.544.457	3.902.544.457	3.902.544.457	3.902.544.457	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.338.100.000	6.338.100.000	6.338.100.000	6.338.100.000	-	1.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.902.544.457)	(3.902.544.457)	(3.902.544.457)	(3.902.544.457)	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		511.053.126	404.868.537	435.576.402	159.252.528	75.476.724	245.616.009
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	511.053.126	404.868.537	435.576.402	159.252.528	75.476.724	245.616.009
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-	-	-	-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.332.352.208	136.052.180.227	143.072.831.575	132.496.634.586	12.868.266.158	13.384.649.604

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

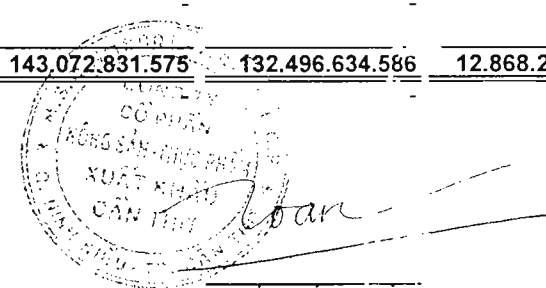
		Đơn vị tính: VND						
		TOÀN CÔNG TY		VĂN PHÒNG CÔNG TY		XI NGHIỆP BAO BÌ		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		16.642.798.709	5.508.238.654	13.641.969.149	1.952.693.013	6.971.380.080	8.746.454.599
Nợ ngắn hạn	310		16.642.798.709	5.508.238.654	13.641.969.149	1.952.693.013	6.971.380.080	8.746.454.599
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.825.413.310	3.356.864.530	59.621.600	-	2.765.791.710	3.356.864.530
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	7.272.012.575	1.592.278.249	7.272.012.575	1.592.278.249	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	266.419.864	120.063.125	-	-	266.419.864	120.063.125
Phải trả người lao động	314		(32.000.000)	78.000.000	-	-	(32.000.000)	78.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-	-	-	-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-	-	-	3.970.550.520	5.190.908.958
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-	-	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.447.000	66.447.000	6.447.000	66.447.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	6.129.347.710	-	6.129.347.710	-	-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	175.158.250	294.585.750	174.540.264	293.967.764	617.986	617.986
Quỹ bình ổn giá	323		-	-	-	-	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn	330		-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-	-	-	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-	-	-	-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-	-	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-	-	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-	-	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-	-	-	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-	-	-	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	TOÀN CÔNG TY		VĂN PHÒNG CÔNG TY		XI NGHIỆP BAO BÌ	
		31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	130.689.553.499	130.543.941.573	129.430.862.426	130.543.941.573	5.896.886.078	4.638.195.005
Vốn chủ sở hữu	410	130.689.553.499	130.543.941.573	129.430.862.426	130.543.941.573	5.896.886.078	4.638.195.005
Vốn góp của chủ sở hữu	411	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000	4.638.195.005	4.638.195.005
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000	4.638.195.005	4.638.195.005
Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-	-	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-	-	-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	19.200.801.480	19.200.801.480	19.200.801.480	19.200.801.480	-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.488.752.019	1.343.140.093	230.060.946	1.343.140.093	1.258.691.073	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.343.140.093	5.741.311.738	1.343.140.093	5.741.311.738	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	145.611.926	(4.398.171.645)	(1.113.079.147)	(4.398.171.645)	1.258.691.073	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-	-	-	-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-	-	-	-
Nguồn kinh phí	431	-	-	-	-	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	147.332.352.208	136.052.180.227	143.072.831.575	132.496.634.586	12.868.266.158	13.384.649.604



LÊ THỊ THÙY LINH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

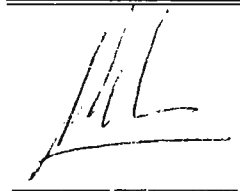
TRẦN ĐỨC TOÀN
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

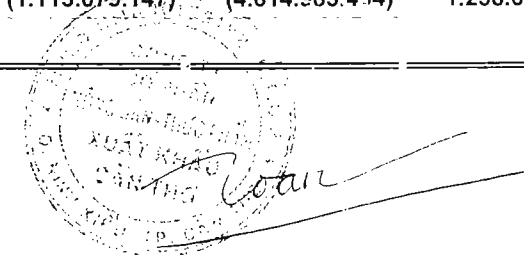
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	TOÀN CÔNG TY		VĂN PHÒNG CÔNG TY		XI NGHIỆP BAO BÌ	
			2016	2015	2016	2015	2016	2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	152.219.529.615	511.528.799.851	128.601.740.428	490.993.365.175	23.617.789.187	20.535.434.676
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		152.219.529.615	511.528.799.851	128.601.740.428	490.993.365.175	23.617.789.187	20.535.434.676
Giá vốn hàng bán	11	6.2	145.885.820.716	508.055.264.498	124.443.635.603	489.009.128.040	21.442.185.113	19.046.136.458
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.333.708.899	3.473.535.353	4.158.104.825	1.984.237.135	2.175.604.074	1.489.298.218
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.930.351.509	7.619.334.114	4.302.528.811	8.134.741.805	1.812.215	3.063.507
Chi phí tài chính	22	6.4	774.391.890	3.129.638.869	774.391.890	3.129.638.869	373.989.517	518.471.198
Trong đó: chi phí lãi vay	23		568.168.777	1.868.701.328	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	5.118.642.128	8.690.928.955	5.105.692.128	8.690.928.955	12.950.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.203.250.857	3.660.830.532	3.666.919.703	2.913.396.570	536.331.154	747.433.962
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		167.775.533	(4.388.528.889)	(1.086.370.085)	(4.614.985.454)	1.254.145.618	226.456.565
Thu nhập khác	31	6.7	356.795.143	4.857.244	352.249.688	-	4.545.455	4.857.244
Chi phí khác	32	6.8	378.958.750	-	378.958.750	-	-	-
Lợi nhuận khác	40		(22.163.607)	4.857.244	(26.709.062)	-	4.545.455	4.857.244
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		145.611.926	(4.383.671.645)	(1.113.079.147)	(4.614.985.454)	1.258.691.073	231.313.809
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		145.611.926	(4.383.671.645)	(1.113.079.147)	(4.614.985.454)	1.258.691.073	231.313.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	13	(399)				



LÊ THỊ THỦY LINH
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



TRẦN ĐỨC TOÀN
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		145.611.926	(4.383.671.645)
Điều chỉnh các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.860.441.838	4.847.015.384
Các khoản dự phòng	03		(663.227.000)	(500.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.652.667.698)	(3.592.530.845)
Chi phí lãi vay	06		568.168.777	1.868.701.328
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.258.327.843	(1.760.485.778)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.875.756.862)	(23.874.371.757)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.847.031.971)	44.312.031.466
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.124.639.845	(722.373.622)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(106.184.589)	(14.983.408)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(568.168.777)	(1.868.701.328)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(119.427.500)	(254.357.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.133.602.011)	15.816.757.773
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(427.408.909)	(99.033.835)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.857.244
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.894.943.410
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.652.667.698	3.587.673.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.225.258.789	5.388.440.420

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

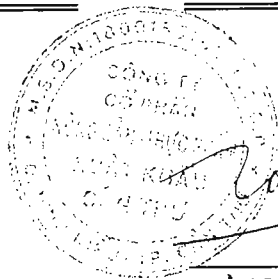
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		89.180.717.253	156.009.913.595
Tiền trả nợ gốc vay	34		(83.051.369.543)	(182.780.090.578)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.354.934.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.129.347.710	(28.125.111.782)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.221.004.488	(6.919.913.589)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		27.548.301.094	34.468.214.683
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		29.769.305.582	27.548.301.094



LÊ THỊ THÙY LINH
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



TRẦN ĐỨC TOÀN
Giám Đốc

Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ là công ty cổ phần

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Xay sát và sản xuất bột thô
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia
- In ấn
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất bột giấy, giấy và bia...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có một công ty con, công ty liên doanh, liên kết; công ty con đã tạm ngưng kinh doanh.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giày Da Xuất Khẩu Tây Đô	Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	- Sản xuất giày dép; các mặt hàng bằng da; - Kinh doanh máy móc thiết bị vật tư ; nguyên vật liệu ngành giày ; - Kinh doanh hàng tư liệu tiêu dùng và tư liệu sản xuất.	51%	51%	51%
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Giấy Nam Hưng Phát	Lô 8, KCN Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	- Sản xuất, kinh doanh giấy các loại, bao bì, thùng carton 3 lớp, 5 lớp - Thu mua phế liệu các loại	20,55%	20,55%	20,55%
Công ty Cổ phần May Meko	Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	- Sản xuất các loại mũ vải, bao tay bằng sợi, khăn choàng, khăn tay, túi xách, ô, giày vải và quần áo.	40,32%	40,32%	40,32%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nông Sản Thực Phẩm Xuất Khẩu Cần Thơ – Xi Nghiệp Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì	KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 61 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang lại, góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giày Da Xuất Khẩu Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần May Meko	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bi Giấy Nam Hưng Phát	Công ty liên doanh, liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt		
- Tại văn phòng Công ty - VND	37.259.866	409.478.766
- Tại xí nghiệp Bao Bi - VND	50.761.523	360.934.016
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- Tại văn phòng Công ty - VND	940.496.708	678.715.938
- Tại văn phòng Công ty - USD (*)	6.169.628.042	122.499.771
- Tại xí nghiệp Bao Bi - VND	471.159.443	1.176.672.603
Các khoản tương đương tiền		
- Tại văn phòng Công ty - VND (**)	22.100.000.000	24.800.000.000
	29.769.305.582	27.548.301.094

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	272.509,84	6.169.628.042
		6.169.628.042

(**) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các bên liên quan		
Xí nghiệp Bao Bi	17.899.200	28.756.860
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bi Giấy Nam Hưng Phát	17.899.200	28.756.860
Phải thu các khách hàng khác		
Văn phòng Công ty	10.372.582.077	33.282.851.193
- Công ty TNHH Một Thành viên - Tổng công ty Lương thực miền Nam (*)	10.199.393.750	7.864.403.593
- Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Ngân	-	23.436.192.500
- Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây	-	1.982.255.100

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Các khách hàng khác	173.188.327	-
Xí nghiệp Bao Bì	6.758.081.065	5.323.738.462
- Công ty TNHH KWONG LUNG – MEKO	3.601.946.823	3.430.838.130
- Công ty TNHH Thủy Sản Kim Ngư	769.737.096	769.737.096
- Công ty TNHH Thủy Sản Trường Nguyên	711.368.392	711.368.392
- Các khách hàng khác	1.675.028.754	411.794.844
	17.148.562.342	38.635.346.515

(*) Tương ứng với gốc nguyên tệ 449.312,50 USD

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Văn phòng Công ty	546.000.000	946.000.000
- Công ty TNHH LD Sản xuất giày da XK Tây Đô	546.000.000	946.000.000
Trả trước cho người bán khác		
Văn phòng Công ty	40.032.525.975	9.280.500.000
- Xí nghiệp Chế Biến Gạo xuất khẩu Thới Thạnh	-	150.000.000
- Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây (*)	40.032.525.975	9.130.500.000
Xí Nghiệp Bao Bì	43.400.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Thượng Hải Phát	43.400.000	-
	40.621.925.975	10.226.500.000

(*) Đây là số dư tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã ứng tiền cho Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây để mua gạo nguyên liệu xuất khẩu. Hiện Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây đã và đang giao hàng chưa đúng theo tiến độ của các hợp đồng đã được ký kết. Theo công văn cam kết trả nợ số 20/MT.2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016 thì Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây cam kết sẽ giao hàng dứt điểm vào ngày 30 tháng 04 năm 2017.

5.4 Phải thu ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Văn phòng Công ty	47.934.648	-	38.781.230	-
Thành viên chủ chốt				
- Tạm ứng công tác	32.586.648	-	23.433.230	-
- Phải thu lại tiền cổ tức bị thu hồi	15.348.000	-	15.348.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Văn phòng Công ty	93.365.530	-	103.301.084	-
- Phải thu về tạm ứng	7.052.560	-	31.410.084	-
- Phải thu cổ tức bị thu hồi	71.891.000	-	71.891.000	-
- Phải thu tiền thuế	14.421.970	-	-	-
Xí nghiệp Bao Bì	-	-	22.400.000	-
- Phải thu về tạm ứng	-	-	22.400.000	-
	141.300.178	-	164.482.314	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản nợ phải thu quá hạn thu hồi

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan				
Văn phòng công ty				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
- Công ty TNHH LD Sản Xuất Giày Da Tây Đô - phải thu tiền đã ứng trước	546.000.000	-	946.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Xí nghiệp Bao Bi				
Nợ phải thu chưa quá hạn 3 năm nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH XNK Thủy sản XNK Kim Ngự	769.737.096	-	769.737.096	-
- Công ty TNHH Thủy Sản Trường Nguyên	36.773.000	-	-	-
Nợ quá hạn trên 3 năm				
- Công ty TNHH Thủy sản Trường Nguyên	674.595.392	-	674.595.392	-
- Công ty TNHH Vĩnh Nguyên	52.632.000	-	52.632.000	-
- công ty TNHH xuất nhập khẩu Thủy Sản Thiên Mã	57.302.130	-	57.302.130	-
	2.137.039.618	-	2.500.266.618	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn - Văn phòng Công ty VND	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn - Xí nghiệp Bao Bi VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	(946.000.000)	(1.554.266.618)	(2.500.266.618)
Hoàn nhập/ (Trích lập) dự phòng	400.000.000	(36.773.000)	363.227.000
Tại ngày 31/12/2016	(546.000.000)	(1.591.039.618)	(2.137.039.618)

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Văn phòng công ty		
Thành phẩm kiểm kê phát hiện thiếu	1.292.568.263	-
	1.292.568.263	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Văn phòng Công ty	9.486.331.670	-	7.071.641.285	(300.000.000)
- Công cụ, dụng cụ	-	-	11.545.455	-
- Thành phẩm	4.585.312.933	-	7.059.495.830	(300.000.000)
- Hàng hóa	4.901.017.737	-	-	-
Xí nghiệp Bao Bì	3.825.182.779	-	3.393.441.193	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.825.182.779	-	3.393.441.193	-
	13.311.514.449	-	10.464.482.478	(300.000.000)

5.8 Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Hàng tồn kho - Văn phòng Công ty VND	Hàng tồn kho - Xí nghiệp Bao Bì VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	300.000.000	-	300.000.000
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình toàn Công ty

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	23.458.270.635	30.509.311.546	1.191.503.450	457.738.800	55.616.824.431
Mua trong năm	-	-	427.408.909	-	427.408.909
Tại ngày 31/12/2016	23.458.270.635	30.509.311.546	1.618.912.359	457.738.800	56.044.233.340
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	8.621.053.465	14.279.402.209	858.003.029	207.810.000	23.966.268.703
Khấu hao trong năm	1.615.991.931	3.017.158.513	170.075.394	57.216.000	4.860.441.838
Tại ngày 31/12/2016	10.237.045.396	17.296.560.722	1.028.078.423	265.026.000	28.826.710.541
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	14.837.217.170	16.229.909.337	333.500.421	249.928.800	31.650.555.728
Tại ngày 31/12/2016	13.221.225.239	13.212.750.824	590.833.936	192.712.800	27.217.522.799
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2016	-	1.099.318.572	100.000.000	-	1.199.318.572
Tại ngày 31/12/2016	115.394.807	2.605.561.517	551.957.995	-	3.272.914.319

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình tại Văn phòng Công ty

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	21.723.309.908	24.454.643.028	956.503.450	457.738.800	47.592.195.186
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	21.723.309.908	24.454.643.028	956.503.450	457.738.800	47.592.195.186
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	7.677.369.178	10.778.270.995	663.503.029	207.810.000	19.326.953.202
Khấu hao trong năm	1.493.495.812	2.594.789.504	119.562.911	57.216.000	4.265.064.227
Tại ngày 31/12/2016	9.170.864.990	13.373.060.499	783.065.940	265.026.000	23.592.017.429
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	14.045.940.730	13.676.372.033	293.000.421	249.928.800	28.265.241.984
Tại ngày 31/12/2016	12.552.444.918	11.081.582.529	173.437.510	192.712.800	24.000.177.757
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	56.674.080	1.375.665.889	451.957.995	-	1.884.297.964

Chi tiết Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình tại Xí nghiệp bao bì

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	1.734.960.727	6.054.668.518	235.000.000	8.024.629.245
Mua trong năm	-	-	427.408.909	427.408.909
Tại ngày 31/12/2016	1.734.960.727	6.054.668.518	662.408.909	8.452.038.154
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	943.684.287	3.501.131.214	194.500.000	4.639.315.501
Khấu hao trong năm	122.496.119	422.369.009	50.512.483	595.377.611
Tại ngày 31/12/2016	1.066.180.406	3.923.500.223	245.012.483	5.234.693.112
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	791.276.440	2.553.537.304	40.500.000	3.385.313.744
Tại ngày 31/12/2016	668.780.321	2.131.168.295	417.396.426	3.217.345.042
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Tại ngày 01/01/2016	-	1.099.318.572	100.000.000	1.199.318.572
Tại ngày 31/12/2016	58.720.727	1.229.895.628	100.000.000	1.388.616.355

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con						
- Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giày Da Xuất Khẩu Tây Đô (*)	3.902.544.457	(**)	(3.902.544.457)	3.902.544.457	(**)	(3.902.544.457)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty Cổ phần May Meko	4.838.100.000	(**)	-	4.838.100.000	(**)	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Nam Hưng Phát	1.500.000.000	(**)	-	1.500.000.000	(**)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP Da Tây Đô	1.600.000.000	(**)	-	1.600.000.000	(**)	-
	11.840.644.457		(3.902.544.457)	11.840.644.457		(3.902.544.457)

(*) Công ty TNHH Liên Doanh Sản Xuất Giày Da Xuất Khẩu Tây Đô hiện nay đã mất khả năng thanh khoản và đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Tại thời điểm lập báo cáo này, công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	2016 VND	2015 VND
Tại ngày 01/01/2016	(3.902.544.457)	(3.902.544.457)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tại ngày 31/12/2016	(3.902.544.457)	(3.902.544.457)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần May Meko		
Văn phòng Công ty		
- Bán thành phẩm	135.000.000	-
- Cổ tức được chia	645.080.000	806.350.000
Xí Nghiệp bao bì		
- Bán thành phẩm	2.599.636.689	3.806.192.961
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Nam Hưng Phát		
Văn phòng Công ty		
- Cho thuê đất	30.232.818	14.285.770
- Cổ tức được chia	1.816.500.000	1.419.000.000
Xí Nghiệp Bao Bì		
- Mua nguyên vật liệu	8.637.576.800	7.944.078.400
- Bán phụ phẩm	-	665.515.250
- Bán phế liệu	741.184.400	500.005.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Văn phòng Công ty	435.576.402	159.252.528
- Chi phí công cụ, dụng cụ	88.957.913	45.826.619
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	346.618.489	113.425.909
Xí nghiệp Bao Bì	75.476.724	245.616.009
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	23.403.893
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	75.476.724	222.212.116
	511.053.126	404.868.537

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Xí nghiệp Bao Bì	1.088.125.720	1.790.436.120
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bao Bì Giấy Nam Hưng Phát	1.088.125.720	1.790.436.120
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Văn phòng Công ty	59.621.600	-
- Phải trả các khách hàng khác	59.621.600	-
Xí nghiệp Bao Bì	1.677.665.990	1.566.428.410
- Công ty TNHH Giấy Xuân Mai	450.591.350	551.453.760
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Hưng	-	164.002.190
- Công ty TNHH DV-TM Giấy Và Bao Bì Miền Tây 2	229.064.000	121.035.200
- Công ty TNHH Một Thành Viên Tân Đức Thọ	251.684.400	-
- Công ty CP Giấy Rạng Đông	593.536.240	571.686.940
- Phải trả các khách hàng khác	152.790.000	158.250.320
	2.825.413.310	3.356.864.530

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Văn phòng Công ty		-
- HB ENTERPRISE	-	1.348.444.175
- OLAMINTER.SINGAPOR	-	212.460.000
- Công ty TNHH tư vấn dịch vụ thương mại sản xuất Đại Thành Huy	-	31.374.074
- FELIPE A DONAYRE JR	7.209.624.486	-
- OCTOPUS GMBH DUERNAUER WEG 3B 70599 STUTTGART	62.388.089	-
	7.272.012.575	1.592.278.249

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Văn phòng Công ty	-	80.752.538	816.690.335	(816.690.335)	-	80.752.538
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	80.752.538	-	-	-	80.752.538
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	17.064.138	(17.064.138)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	796.626.197	(796.626.197)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Xí nghiệp Bao Bì	120.063.125	-	568.108.165	(421.751.426)	266.419.864	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	120.063.125	-	568.108.165	(421.751.426)	266.419.864	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	419.187	(419.187)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.318.000	(9.318.000)	-	-
	120.063.125	80.752.538	1.384.798.500	(1.238.441.761)	266.419.864	80.752.538

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xuất khẩu là 0%, phí gia công, bán trâu là 5%, cho thuê kho 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.611.926	(4.383.671.645)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.734.746.943)	(2.085.350.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	300.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.734.746.943)	(2.385.350.000)
Thu nhập chịu thuế	(2.589.135.017)	(6.469.021.645)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	(6.991.331.189)	(522.309.544)
Thu nhập tính thuế	(9.580.466.206)	(6.991.331.189)
Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty đang áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Văn phòng Công ty	-	66.447.000
- Tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng	-	60.000.000
- Phải trả lãi chậm trả cổ phần hóa	-	-
- Phải trả cổ tức	4.620.000	4.620.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.827.000	1.827.000
	6.447.000	66.447.000

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17 Vay ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ – USD (*)	6.129.347.710	6.129.347.710	-	-
	6.129.347.710	6.129.347.710	-	-

(*) Đây là khoản vay của hợp đồng tín dụng số 007/2016-HĐTĐHM/NHCT820-NONG SAN THUC PHAM XUAT KHAU CAN THO của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được ký kết ngày 24 tháng 02 năm 2016.

Hạn mức tín dụng : 45.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương
 Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động chế biến kinh doanh lúa gạo
 Thời hạn vay : 5 tháng
 Lãi suất : 2,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên
 Tài sản thế chấp: : Thế chấp thửa đất số 924, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.293,1 m2 cùng với toàn bộ tài sản gắn liền với đất có giá trị còn lại là 6.571.521.494 VND
 Số dư tại ngày 31/12/2016 : 6.129.347.710 VND tương đương 268.949 USD

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	Trả trong năm VND	31/12/2016 VND
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ – USD	-	51.504.035.924	94.542.307	(45.469.230.521)	6.129.347.710
- Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ - VND	-	18.776.710.000	-	(18.776.710.000)	-
- Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ - USD	-	18.899.971.329	-	(18.899.971.329)	-
	-	89.180.717.253	94.542.307	(83.145.911.850)	6.129.347.710

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng tại Xí nghiệp Bao Bì	617.986	-	-	617.986
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành tại Văn phòng Công ty	293.967.764	-	(119.427.500)	174.540.264
	294.585.750	-	(119.427.500)	175.158.250

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước				
Tại ngày 01/01/2015	110.000.000.000	19.200.801.480	7.061.311.738	136.262.113.218
Lãi trong năm	-	-	(4.383.671.645)	(4.383.671.645)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	(1.320.000.000)	(1.320.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	(14.500.000)	(14.500.000)
Tại ngày 31/12/2015	110.000.000.000	19.200.801.480	1.343.140.093	130.543.941.573
Năm nay				
Tại ngày 01/01/2016	110.000.000.000	19.200.801.480	1.343.140.093	130.543.941.573
Lãi trong năm	-	-	145.611.926	145.611.926
Tại ngày 31/12/2016	110.000.000.000	19.200.801.480	1.488.752.019	130.689.553.499

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà Nước	108.144.500.000	98,31	108.144.500.000	98,31
Cổ đông khác	1.855.500.000	1,69	1.855.500.000	1,69
	110.000.000.000	100,00	110.000.000.000	100,00

5.20 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.21 Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2016, Công ty không có phân phối lợi nhuận

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
- Dollar Mỹ (USD)	272.509,84	5.456,56

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016 VND	2015 VND
Văn phòng Công ty	128.601.740.428	490.993.365.175,0
- Doanh thu bán thành phẩm	123.546.820.324	487.208.279.990
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.171.989.585	3.712.590.185
- Doanh thu khác	882.930.519	72.495.000
Xí nghiệp Bao Bì	23.617.789.187	20.535.434.676
- Doanh thu bán hàng hóa	201.163.600,0	21.930.700
- Doanh thu bán thành phẩm	22.727.940.187	20.013.498.676
- Doanh thu khác	688.685.400	500.005.300
	152.219.529.615	511.528.799.851

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Văn phòng Công ty	124.443.635.603	489.009.128.040
- Giá vốn thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp	124.448.927.203	488.636.633.040
- Giá vốn khác	294.708.400	72.495.000
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(300.000.000)	300.000.000
Xí nghiệp Bao Bì	21.442.185.113	19.046.136.458,0
- Giá vốn hàng hóa đã bán	198.409.074	20.041.586,0
- Giá vốn thành phẩm đã bán	21.243.776.039	19.026.094.872
	145.885.820.716	508.055.264.498

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Văn phòng Công ty	4.302.528.811	8.134.741.805
- Lãi tiền gửi	1.563.265.000	1.717.731.292
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.461.580.000	2.385.350.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	277.683.811	1.803.194.568
- Thu nhập tài chính khác	-	2.228.465.945
Xí nghiệp Bao Bì	1.812.215	3.063.507
- Lãi tiền gửi	1.812.215	3.063.507
Điều chỉnh do hợp cộng	(373.989.517)	(518.471.198)
	3.930.351.509	7.619.334.114

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.4 Chi phí hoạt động tài chính	2016	2015
	VND	VND
Văn phòng Công ty	774.391.890	3.129.638.869
- Chi phí lãi vay ngân hàng	568.168.777	1.868.701.328
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.223.113	1.260.937.541
Xí nghiệp Bao Bì	373.989.517	518.471.198
- Chi phí lãi vay ngân hàng	373.989.517	518.471.198
Điều chỉnh do hợp cộng	(373.989.517)	(518.471.198)
	774.391.890	3.129.638.869
6.5 Chi phí bán hàng		
	2016	2015
	VND	VND
Văn phòng Công ty	5.105.692.128	8.690.928.955
- Chi phí vật liệu bao bì	1.662.886.900	2.927.315.000
- Chi phí vận chuyển bốc xếp	1.902.883.999	3.789.745.095
- Chi phí bán hàng khác	1.539.921.229	1.973.868.860
Xí nghiệp bao bì	12.950.000	-
- Chi phí bán hàng khác	12.950.000	-
	5.118.642.128	8.690.928.955
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	2016	2015
	VND	VND
Văn phòng Công ty	3.666.919.703	2.913.396.570
- Chi phí nhân viên quản lý	2.212.523.499	2.567.198.788
- Chi phí vật liệu quản lý	320.044.024	156.927.548
- Chi phí đồ dùng văn phòng	7.850.341	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	355.065.399	61.956.933
- Thuế, phí và lệ phí	798.532.978	227.283.462
- Chi phí dự phòng	(400.000.000)	(800.000.000)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	372.903.462	700.029.839
Xí nghiệp Bao bì	536.331.154	747.433.962
- Chi phí nhân viên quản lý	442.733.000	702.592.205
- Thuế, phí và lệ phí	8.741.992	8.901.992
- Chi phí dự phòng	36.773.000	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	48.083.162	35.939.765
	4.203.250.857	3.660.830.532

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.7 Thu nhập khác	2016 VND	2015 VND
Văn phòng Công ty	352.249.688	4.857.244
Lãi thanh lý tài sản	-	4.857.244
Trong đó:	-	-
<i>Thu thanh lý tài sản</i>	-	9.090.909
<i>Chi phí thanh lý tài sản</i>	-	(4.233.665)
Thu nợ đã xử lý từ trước cổ phần hóa	351.697.688	-
Các khoản thu nhập khác	552.000	-
Xí nghiệp Bao Bi	4.545.455	-
Các khoản thu nhập khác	4.545.455	-
	356.795.143	4.857.244
6.8 Chi phí khác	2016 VND	2015 VND
Văn phòng Công ty		
Phạt vi phạm hợp đồng	288.958.750	-
Chi phí khác	90.000.000	-
	378.958.750	-
6.9 Lãi trên cổ phiếu	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	145.611.926	(4.383.671.645)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	145.611.926	(4.383.671.645)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.000.000	11.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	13	(399)
6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	176.585.821.065	310.623.996.005
Chi phí nhân công	5.143.931.289	8.475.399.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.860.441.838	4.847.015.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.269.395.586	4.149.320.422
Chi phí khác	2.471.180.084	87.486.894
	192.330.769.862	328.183.217.787

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty mẹ, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ: 152 – 154, Đường Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt

	31/12/2016 VND	01/01/2016
- Tạm ứng công tác	32.586.648	23.433.230
- Phải thu lại tiền cổ tức bị thu hồi	15.348.000	15.348.000

Không có các khoản công nợ với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Tiền lương	383.798.150	538.921.500
Tiền thưởng	19.500.000	52.491.500
Tiền thù lao	65.000.000	73.500.000
	468.298.150	664.913.000

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

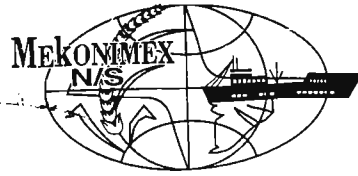
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

LÊ THỊ THÙY LINH
Kế toán trưởng /Người lập biểu

TRẦN ĐỨC TOÀN
Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
(MEKONIMEX/NS)**

152 - 154, Trần Hưng Đạo, P. An Nghiệp, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel : 0710. 3835543 - 3832059 - Fax : 3832060

HÒA TỐC

ST 202850746
13345



Kính gửi : ...

ghe 23.

**BÀ TỬ ĐÌNH THỰC ĐOAN
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH
DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)- CHI
NHÁNH PHÍA NAM**

Số 16, Trương Định, Q3, TP. HCM
(ĐT: 0908 130 310)